

**CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG THẬT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU XÂY DỰNG CÔNG THẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CONG NHAT CONSTRUCTION MATERIALS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CTY TNHH VLXD CÔNG THẬT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 1301132121

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 115/TTH, ấp Thạnh Thới, Xã Bảo Thuận, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0813804243

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                          | 4330        |
| 3.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                     | 4390        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm, dụng cụ y tế, súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ)                                                                                                                   | 4649        |
| 5.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ bán buôn vàng miếng)                                                                                                                                                        | 4662        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                 | 4663(Chính) |
| 7.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                     | 7110        |
| 8.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                          | 1610        |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                 | 1622        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Chỉ được sản xuất, gia công sau khi hoàn thành đầy đủ các thủ tục về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường; trừ xử lý, tráng phủ, xi mạ kim loại) | 2592        |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                          | 4933        |
| 12. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                     | 5022        |
| 13. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                          | 7730        |
| 14. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                           | 3700        |
| 15. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                       | 4101        |
| 16. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                 | 4102        |
| 17. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                            | 4212        |
| 18. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                | 4291        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 19. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                                                                                          | 4293                                                         |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4299                                                         |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4311                                                         |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312                                                         |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                          | 4321                                                         |
| 24. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng)                                                                                                                                                         | 4752                                                         |
| 25. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4753                                                         |
| 26. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                        | 4759                                                         |
| 27. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: LƯƠNG THỊ LỖI

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 17/03/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083170005590

Ngày cấp: 09/05/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 115/TTH, ấp Thạnh Thới, Xã Bảo Thuận, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 115/TTH, ấp Thạnh Thới, Xã Bảo Thuận, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯƠNG THỊ LỎI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/03/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 083170005590

Ngày cấp: 09/05/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số nhà 115/TTH, ấp Thạnh Thới, Xã Bảo Thuận, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số nhà 115/TTH, ấp Thạnh Thới, Xã Bảo Thuận, Huyện Ba Tri, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre